

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2021/DS-PT

Ngày: 16 - 6 - 2021

V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- *T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;
Bà Trương Thị Bích Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tón – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/5/2020, 02/6/2021 và 16/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số nhà 1485D, Ấp 3, xã An H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T là: Luật sư Phan Duy Võ – Công ty luật TNHH MTV Thiện Lý; Địa chỉ: Số 1/1, đường Lưu Văn Liệt, Phường 2, T phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số nhà 739, Ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 29, khóm Mỹ Hưng, Phường 3, T phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 2, TT. Tràm Chim, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Văn T (Lào), sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số nhà 458, ấp Phú Thọ, xã An Long, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Thị L, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số nhà 1485, Ấp 3, xã An H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L Là: Luật sư Phan Duy Võ – Công ty luật TNHH MTV Thiện Lý. Địa chỉ: Số 1/1, đường Lưu Văn Liệt, Phường 2, T phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4. Nguyễn Văn H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số nhà 126, Ấp 3, xã An H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị B, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thường Phước 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Thị H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Khóm 1, phường An Thạnh, T phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc T là Nguyên đơn và bà Nguyễn Ngọc L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn Thế và cụ Lê Thị Ròng là cha, mẹ của bà tạo lập gồm: Thửa số 2382, tờ bản đồ số 2, diện tích 674m²; Thửa số 2385, tờ bản đồ số 2, diện tích 270m²; Thửa số 2386, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.515m²; Thửa số 1359, tờ bản đồ số 2, diện tích 5.481m², tổng cộng

là 11.940m². Các thửa đất trên do cụ Nguyễn Văn Thế đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003 cụ Ròng chết, năm 2008 cụ Thế chết. Năm 2015, các anh, chị, em của bà gồm: Bà, bà L, bà L, ông T, ông T, ông H, bà B và bà H có đến Ủy ban nhân dân xã An H, để làm “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 do cụ Thế và cụ Ròng để lại diện tích 11.940m² nêu trên. Theo Văn bản phân chia tài sản thì bà được hưởng 1.600m², Tộc 1 phần của thửa 2386. Sau khi thỏa Tận phân chia phần đất xong, bà thống nhất giao phần đất của bà lại cho bà L quản lý để tiện việc giao dịch, chứ không thống nhất để cho bà L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà L đi đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất của bà, bà không biết.

Vì vậy, bà yêu cầu hủy “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015. Yêu cầu bà L phải giao trả lại 1.600m² đất, Tộc 1 phần thửa 2386, hiện do bà L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà được phân chia, theo “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 (Đo đạc thực tế là 1.420m²).

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Thống nhất về nguồn gốc đất như bà T trình bày. Lúc cha, mẹ còn sống đã phân chia đất cho các con mỗi người được một nền nhà, cụ thể như sau: Thửa 1261 (Nay là 2386, cặp QL 30, tính từ hướng xã An H đến xã An Long) cha bà phân chia cho bà L chiều ngang 6m, chiều dài 27,5m; Bán cho bà chiều ngang 5m chiều dài 27,5m; Chia cho bà B chiều ngang 6m, chiều dài 27,5m; Chia cho bà H chiều ngang 6m, chiều dài 27,5m; Chia cho bà T chiều ngang 8m, chiều dài 27,5m. Phần ông T, ông T và bà thì được chia phía sau đất của bà L, bà H, bà B và bà T, mỗi người chiều ngang 11m, chiều dài 27m. Sau khi phân chia xong, phần diện tích Tộc thửa 2386 còn lại khoảng 3 công, cha bà bán cho bà H 1 công, bán cho bà 2 công. Phần 1 công của bà H sau này bán lại cho bà. Phần nền nhà được chia của ông T, ông T và ông H cũng bán luôn cho bà. Đối với các phần đất cha bà phân chia cho bà L, bà H, bà B và bà T thì đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất xong. Hiện những người này đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất phân chia cho ông T, ông T, bà, ông H và phần đất cha bà bán cho bà H và bà thì chưa làm thủ tục sang tên. Phần đất ruộng Tộc thửa 1359 thì cha mẹ cho ông H 1.500m² và bán cho bà L 3.000m². Sau đó, bà L và ông H cũng bán lại cho bà.

Năm 2003 mẹ chết, năm 2008 cha chết. Sau khi cha, mẹ chết đến năm 2015 bà cùng các anh chị em của bà bàn bạc làm thủ tục giao quyền sử dụng đất lại cho bà đứng tên. Bà, bà T, bà L, ông T, ông T, ông H, bà B và bà H đến Ủy ban nhân dân xã An H lập “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 đối với 11.940m² đất Tộc các thửa số 2382, 2385, 2386 và 1359 do cha bà là cụ Nguyễn Văn Thế đứng tên với nội dung là thống nhất giao lại phần đất Tộc thửa 2385, 2386 và 1359 cho bà quản lý, sử dụng và ông H quản lý sử dụng 674m² đất Tộc thửa 2382, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An H. Sau đó, bà tiến hành làm thủ tục sang tên phần đất trên và hiện nay đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà T yêu cầu bà phải giao trả lại diện tích đất 1.420m² và bà L yêu cầu bà phải giao trả lại phần diện tích đất 813m², Tộc 1 phần của thửa 2386 theo sơ đồ đo đạc ngày 31/10/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, bà không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thừa nhận cha, mẹ bà có tạo lập được 11.940m² như bà T trình bày. Sau khi cha, mẹ chết. Năm 2015, các anh, chị, em của bà gồm: Bà T, bà L, bà L, ông T, ông T, ông H, bà B và bà H có đến Ủy ban nhân dân xã An H thỏa Tận phân chia phần tài sản do cha mẹ để lại. Theo “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 thì bà được hưởng 1.600m², Tộc 1 phần của thửa 1359. Sau khi thỏa Tận phân chia phần đất trên xong, bà thống nhất giao phần đất trên lại cho bà L quản lý để tiện việc giao dịch, chứ không thống nhất để cho bà L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà L đi đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất của bà, bà không biết.

Do đó, bà yêu cầu hủy “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015, yêu cầu bà L phải giao trả lại phần diện tích đất 813m², Tộc 1 phần của thửa 2386, bà không yêu cầu bà L giao trả lại cho bà đủ 1.600m² theo Văn bản phân chia tài sản ngày 27/7/2015.

+ Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thống nhất về nguồn gốc đất như bà T trình bày. Lúc cha, mẹ còn sống đã phân chia đất xong, cụ thể là: Phần đất Tộc thửa 1261 (Nay là 2386 cấp QL

30, tính từ hướng xã An H đến xã An Long) cha các ông, bà phân chia cho bà L chiều ngang 6m, chiều dài 27,5m; Bán cho bà L chiều ngang 5m, chiều dài 27,5m; Chia cho bà B chiều ngang 6m, chiều dài 27,5m; Chia cho bà H chiều ngang 6m, chiều dài 27,5m; Chia cho bà T chiều ngang 8m, chiều dài 27,5m. Phần ông T, ông T và bà L thì được chia phía sau đất của bà L, bà H, bà B và bà T. Phần đất ruộng Tộc thừa 1359 thì cha cho ông H một phần và bán cho bà L một phần. Sau khi phân chia xong, phần diện tích Tộc thừa 2386 còn lại khoảng 3 công, cha các ông bà bán cho bà H 1 công, bán cho bà L 2 công. Phần bà H sau này bán luôn cho bà L. Còn phần đất ông T, ông T và ông H được chia cũng bán luôn cho bà L. Đối với các phần đất cha các ông, bà phân chia cho bà L, bà H, bà B và bà T thì đã làm thủ tục sang tên xong, hiện những người nay đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất phân chia cho ông T, ông T, bà L, ông H và phần đất cha các ông, bà bán cho bà H và bà L thì chưa làm thủ tục sang tên.

Năm 2003 mẹ chết, năm 2008 cha chết. Sau khi cha mẹ chết các anh, chị, em bàn bạc giao đất lại cho bà L nên có đến Ủy ban nhân xã An H nhờ Ủy ban làm thủ tục giùm. Sau khi Ủy ban nhân dân xã làm giấy tờ xong, các anh, chị em đều ký tên vào văn bản giao đất lại cho bà L, chỉ có ông H còn lại 674m² Tộc thừa 2382.

Bà T yêu cầu bà L phải giao trả lại phần diện tích đất 1.420m² và bà L yêu cầu bà L phải giao trả lại phần diện tích đất 813m², Tộc 1 phần của thửa 2386 các ông, bà không đồng ý và không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử.

1/ Không chấp nhận yêu của bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy văn bản phân chia tài sản ngày 27/7/2015.

2/ Bác yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T đối với bà Nguyễn Ngọc L về việc yêu cầu bà L giao trả lại 1.420m², Tộc 1 phần của thửa đất số 2386, tờ bản đồ số 2, do bà Nguyễn Ngọc L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giữ y phần diện tích đất tranh chấp 1.420m², Tộc 1 phần thửa 2386, tờ bản đồ số 2, do bà Nguyễn Ngọc L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho bà L tiếp tục quản lý và sử dụng, cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp Quốc lộ 30 có chiều dài là 4 mét (Từ mốc số 5 đo đến mốc số 6);

- Hướng Bắc giáp với thửa 1783 của bà T có chiều dài là 27,5 mét (Từ mốc số 5 đo đến mốc số 14);

Hướng Đông giáp với thửa 1783 của bà T có chiều dài là 8 mét (Từ mốc số 13 đo đến mốc số 14);

- Hướng Bắc giáp với thửa 2386 của bà L có chiều dài là 109,23 mét (Từ mốc số 13 đo đến mốc số 8);

- Hướng Nam giáp với thửa 1644 có chiều dài là 136,67 mét (Từ mốc số 6 đo đến mốc số 7);

- Hướng tây giáp với thửa 2386 của bà L có chiều dài là 12 mét (Từ mốc số 7 đo đến mốc số 8).

Theo sơ đồ đo đạc ngày 31/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/10/2018 của Tòa án.

3/ Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Ngọc L về việc yêu cầu bà L giao trả lại 813m², Tộc 1 phần của thửa đất số 2386, tờ bản đồ số 2, do bà Nguyễn Ngọc L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giữ y phần diện tích đất tranh chấp 813m², Tộc 1 phần thửa 2386, tờ bản đồ số 2, do bà Nguyễn Ngọc L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho bà L tiếp tục quản lý và sử dụng, cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 1697 của bà L có chiều dài là 6 mét (Từ mốc số 12 đo đến mốc số 11);

- Hướng Bắc giáp với thửa 2458 và 1511 có chiều dài là 135,66 mét (Từ mốc số 12 đo đến mốc số 1);

- Hướng Tây giáp với thửa 2383 có chiều dài là 6 mét (từ mốc số 1 đo đến mốc số 10);

- Hướng Nam giáp thửa 2386 của bà L có chiều dài là 135,66 mét (từ mốc số 10 đo đến mốc số 11).

Theo sơ đồ đo đạc ngày 31/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/10/2018 của Tòa án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

+ Ngày 09/9/2019 bà Nguyễn Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà. Hủy Văn bản phân chia tài sản ngày 27/7/2015, buộc bà L giao trả cho bà 1.420m² đất, Tộc 1 phần thửa 2386, tờ bản đồ số 2, do bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà 99.000.000đ.

+ Bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà. Hủy văn bản phân chia tài sản ngày 27/7/2015, buộc bà L giao trả cho bà 813m² đất, Tộc 1 phần thửa 2386, tờ bản đồ số 2, do bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Các đương sự không thỏa Tân được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà T và bà L thay đổi yêu cầu kháng cáo. Các bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và bà L phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra để giải quyết vụ án do có dấu hiệu tội phạm, nếu không thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Do bà T và bà L đều xác định trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa là yêu cầu chia thừa kế tài sản nên cần xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp chia thừa kế tài sản.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T và bà L. Tuy nhiên, do diện tích đất tranh chấp hiện nay đã bị UBND huyện T T hồi một phần để mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 30. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo diện tích đất thực tế còn lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 29/3/2018 của bà Nguyễn Ngọc T và đơn yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L thì các bà yêu cầu bà L chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cha là cụ Nguyễn Văn Thế chết để lại. Tại Thông báo thụ lý vụ án số 172/TB-TLVA ngày 05/7/2018, số 01/TB-TLVA ngày 07/01/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-DS ngày 08/7/2019 Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất”. Đồng thời, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm Tòa án cũng áp dụng các Điều 651, Điều 656 để giải quyết tranh chấp chia thừa kế của các đương sự. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà T và bà L cũng xác định các bà yêu cầu bà L chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha bà là cụ Nguyễn Văn Thế để lại cho hai bà. Việc Tòa án cấp sơ thẩm ghi quan hệ pháp luật của vụ án trong bản án là “*Yêu cầu hủy văn bản phân chia tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất*” là có sự nhầm lẫn, chưa chính xác. Vì vậy, cần phải ghi lại quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

- Về nội dung:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp Tộc thừa 2386, tờ bản đồ số 2, tại xã An H, huyện T là của cụ Thế (Chết 2008) và cụ Ròng (Chết 2003). Theo lời trình

bà T, ông T, bà H, bà B, ông H và bà L (Là anh, chị, em ruột với bà T và bà L) thì phần đất trên, lúc còn sống cụ Thế và cụ Ròng đã phân chia cho bà T, bà L, bà L, bà B, bà H, ông T, ông T và ông H mỗi người một nền nhà. Việc phân chia tuy không làm giấy tờ nhưng cụ Thế trực tiếp chỉ cho ông T và bà L đo đạc xác định diện tích và vị trí đất cho mỗi người. Phần bà T, bà L, bà H và bà B thì cụ Thế đã làm thủ tục sang tên xong. Còn phần ông T, ông T, bà L và ông H thì cụ Thế chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi cụ Thế chia đất cho các con, còn lại khoảng 3 công tầm cắt thì bán cho bà L 02 công và bà H 01 công. Phần ông T, ông T và ông H sau khi được chia đất xong cũng bán lại cho bà L. Năm 2008, cụ Thế chết do tai nạn giao thông nên chưa kịp làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho những người còn lại. Đến năm 2015, bà L cùng các anh, chị em của bà đến Ủy ban nhân dân xã An H làm “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 để cho bà L và ông H làm thủ tục đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà B, ông H, ông T, bà H, bà L và ông T đều thừa nhận có đến Ủy ban nhân dân xã An H ký tên vào “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 và thống nhất phần đất trên Tộc quyền sử dụng của bà L.

[2] Bà T và bà L cũng thừa nhận có đến Ủy ban nhân dân xã An H ký tên vào “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” nêu trên, nhưng bà T và bà L cho rằng bà L kêu các bà ra Xã ký tên để chia đất. Khi ký tên là ký vào tờ giấy trắng không có nội dung và cũng không nghe đọc lại nội dung trước khi ký tên. Xét thấy, lời trình bày này là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, tại phiên tòa bà T và bà L thừa nhận trước khi ký tên thì các anh, chị em đã có ký tên trước, bà T và bà L ký tên sau, ký cùng thời điểm với bà B, ông H, ông T, bà H và bà L.

[3] Theo bà B, ông H, ông T, bà H, ông T và bà L thì trước khi ký tên đã được cán bộ Tư pháp đọc lại nội dung trong Văn bản phân chia tài sản thừa kế nêu trên và đã trực tiếp xem nội dung trong Văn bản nên có căn cứ xác định, bà T và bà L đã được nghe và biết nội dung trong tờ phân chia tài sản thừa kế ngày 27/7/2015. Hơn nữa, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2019 của bà Nguyễn Thúy Mỹ Yến (Cán bộ Tư pháp Xã) là người lập “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 xác nhận là sau khi lập tờ thỏa Tận phân chia tài sản ngày 27/7/2015, bà có đọc lại nội dung phân chia tài sản và phần nội dung các bên không nhận phần tài sản được phân chia, mà giao lại cho bà L.

Sau khi đọc xong các bên thống nhất mới ký tên vào văn bản trên. Tại công văn số 273/CV-UBND ngày 07/7/2019, của Ủy ban nhân dân xã An H cũng xác nhận: “1/ Văn bản phân chia tài sản ngày 27/7/2015 do bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963, bà đến một cửa xã nhờ hướng dẫn thủ tục thừa kế, một cửa hỏi bà tài sản phân chia như thế nào thì bà nói tài sản này do anh chị em cùng thỏa Tận đồng ý để lại cho bà đứng tên, nhưng do bà không biết lập T văn bản nên nhờ công chức Tư pháp – Hộ tịch xã đánh máy dùm văn bản, những nội dung trong văn bản được lập do bà L cung cấp và văn bản được lập tại UBND xã. 2/ Những người có tên trong văn bản trên có ký tên vào văn bản phân chia tài sản thừa kế và ký tại UBND xã. 3/ Trước khi ký tên vào văn bản những người tham gia có được xem và được nghe đọc lại văn bản trước khi ký tên. 4/ Các T viên đều ký tên tại UBND xã có xem và được nghe đọc lại văn bản phân chia tài sản thừa kế”. Tại công văn số 708/UBND-NC ngày 17/6/2019 Ủy ban nhân dân huyện T xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là đúng trình tự thủ tục và đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà T và bà L về việc yêu cầu hủy “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015.

[4] Xét việc bà T yêu cầu bà L giao trả lại phần diện tích 1.420m² là không có căn cứ. Bởi vì, đất tranh chấp đã được cha mẹ chia cho các đương sự xong từ ngày 15/7/2000. Việc các đương sự lập “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 chỉ là hình thức để cho bà L và ông H đứng tên giấy quyền sử dụng đất. Vì trước đó cụ Thế đã cho mỗi người con một nền nhà, phần còn lại cụ Thế bán cho bà L, bà H và cho ông H trước đó nên vào thời điểm lập “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 không còn đất để các đương sự chia. Theo “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 thì các đương sự chỉ căn cứ vào diện tích và số thửa ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Thế để phân chia mà không đo đạc thực tế và cũng không xác định vị trí đất của từng người cụ thể, giá trị đất của từng thửa cũng khác nhau nên không thể căn cứ vào Văn bản này để yêu cầu chia thừa kế được. Mặt khác, bà T cho rằng phần của bà được chia theo “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 là phía sau thửa 1783 của bà nhưng trong “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 không thể hiện phần diện tích đất của bà được phân chia ở vị trí nào. Theo lời trình bày của bà H, bà B, ông T, ông T, ông H và bà L thì phần phía sau thửa đất 1783 của bà T, trước

đây cụ Thế đã chia cho ông T và ông T đã bán lại cho bà L. Bà L có cho bà H làm chuồng heo trên phần đất này và hiện nay bà H không còn nuôi heo nữa và đã trả đất lại cho bà L. Vì vậy, việc bà T cho rằng phần đất bà được chia phía sau thửa 1783 của bà và yêu cầu bà L giao trả lại cho bà là không phù hợp.

[5] Xét việc bà L yêu cầu bà L giao trả lại phần diện tích 813m², tiếp giáp với thửa 1697 của bà cho thấy, như đã phân tích ở trên, việc các đương sự lập “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 chỉ là hình thức để cho bà L và ông H đứng tên quyền sử dụng đất. Theo “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015 thì bà L được chia ở thửa 1359, tờ bản đồ số 2 không phải thửa 2386, tờ bản đồ số 2. Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2021 thì bà thừa nhận vào ngày 20/10/2006 bà đã bán cho bà L 3.000m² Tộc thửa 1359 (Diện tích đất này cụ Thế đã bán cho bà L trước đó). Bà L cũng thừa nhận phần diện tích đất mà bà yêu cầu chia thừa kế phía sau thửa 1697 của bà, trước đây lúc còn sống cụ Thế đã phân chia cho ông T chiều ngang 12m, chiều dài 27m. Sau khi ông T được chia đã bán lại cho bà L nên việc bà L yêu cầu bà L giao trả lại diện tích 813m² là không có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 90.000.000đ của bà T và tài sản có trên đất tranh chấp do các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này ở cấp sơ thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết được. Sau này nếu có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Tại cấp phúc thẩm bà L trình bày ngày 16/9/2016 bà có làm Hợp đồng cho ông Nguyễn Phước T Tê thửa đất 2386 đang tranh chấp. Ngày 27/3/2021 ông T có đào đất đắp bờ bao nhưng do tranh chấp nên ông T đã ngưng và hiện nay hai bên đã chấm dứt hợp đồng theo “Biên bản thỏa Tận” ngày 19/5/2021 giữa bà L với ông T. Các đương sự không có yêu cầu về phần này. Riêng bà T có yêu cầu ông T san bằng xuống, nhưng bà T cũng thừa nhận tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2021 là phần đất ông T đào không trùng vào phần đất mà bà yêu cầu bà L giao trả. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bà T và bà L cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận của hai bà là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của hai bà không được chấp nhận.

[8] Căn cứ vào Bản đồ trích đo ngày 27/5/2021 của Trung tâm kỹ Tật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp thì diện tích đất tranh chấp bà T yêu cầu bà L trả lại 1.420m² Tộc một phần thửa 2386, nhưng do Nhà nước đã T hồi một phần để nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 30 nên chỉ còn lại 1.380,6m². Vì vậy, bà L được tiếp tục sử dụng 1.380,6m² đất này, nên Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm theo diện tích thực tế còn lại nêu trên.

Xét ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T và bà L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T và bà L hủy bản án sơ thẩm là không phù hợp như đã phân tích ở trên. Vụ án không có dấu hiệu tội phạm và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không chấp nhận đề nghị của vị luật sư.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T và bà L, sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T và bà L, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do bà T và bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy, Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự cho bà T và bà L.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 126, Điều 132, Điều 651, Điều 656 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà của bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy “Văn bản phân chia tài sản thừa kế” ngày 27/7/2015.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T đối với bà Nguyễn Ngọc L về việc yêu cầu bà L phải chia thừa kế cho bà 1.420m² đất, Tộc 1 phần của thửa số 2386, tờ bản đồ số 2, do bà Nguyễn Ngọc L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Ngọc L được tiếp tục sử dụng 1.380,6m² đất, Tộc 1 phần thửa 2386, tờ bản đồ số 2, do bà Nguyễn Ngọc L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong phạm vi các mốc M12, M11, M10, M9, M17, M15, M16, M12.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Ngọc L về việc yêu cầu bà L phải chia thừa kế cho bà 813m², Tộc 1 phần của thửa đất số 2386, tờ bản đồ số 2, do bà Nguyễn Ngọc L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà L được tiếp tục sử dụng 813m² đất, Tộc 1 phần thửa 2386, tờ bản đồ số 2, do bà Nguyễn Ngọc L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong phạm vi các mốc M21, M4, M3, M2, M22, M21.

(Kèm theo Bản đồ trích đo 27/5/2021 và Sơ đồ mốc ngày 05/8/2020 của Trung tâm kỹ Thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp).

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí xét thẩm định tại chỗ:

+ Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu là 11.846.000đ (Chi phí ở cấp sơ thẩm (đã nộp xong)).

+ Bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L liên đới chịu 16.074.600đ (Chi phí ở cấp phúc thẩm (đã nộp xong)).

7. Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt